|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ Chính phủ; dự kiến nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BNN-VPĐP ngày tháng năm 2022*

*của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn )*

Để cụ thể hóa Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; nhằm bổ trí đủ nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nội dung của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới *(đã được phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ)* theo các quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 *(đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016)*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương có liên quan tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020 (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/2017/QĐ-TTG**

**1. Công tác triển khai, thực hiện**

***1.1. Ở cấp Trung ương***

- Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với bộ, ngành trung ương hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình 5 năm giai đoạn 2016-2020; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bộ ngành có liên quan tham mưu trình Thủ tướng phê duyệt Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 về việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiểu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 (bao gồm cả vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới);

- Hằng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, tổng hợp đề xuất kế hoạch vốn ngân sách trung ương của các bộ, ngành trung ương và địa phương theo quy định. Căn cứ kế hoạch vốn ngân sách trung ương giao hàng năm, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã cân đối và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các bộ, ngành trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với các quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg và điều kiện thực tế, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, báo có Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, chủ động ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, ngành trung ương và địa phương triển khai kế hoạch vốn được giao; đề nghị các địa phương chủ động cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình theo quy định.

***1.2. Ở địa phương***

Công tác phân bổ và giao chi tiết kế hoạch nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình cơ bản đã bám sát và tuân thủ các quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương của Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nội dung thực hiện, đối tượng thụ hưởng của Chương trình và quy chế quản lý điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia (Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước 5 năm 2016-2020;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã chủ động lựa chọn các mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng xã cần tập trung ưu tiên để xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn được giao 5 năm và hằng năm trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, đảm bảo phù hợp với các quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg, Nghị quyết của Hội đồng nhân dâ tỉnh và điều kiện thực tế.

- Căn cứ hướng dẫn xây dựng kế hoạch và thông báo dự kiến nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã có sự tham gia; khuyến khích, vận động cộng đồng, người dân tham gia thực hiện các công trình, dự án xây dựng nông thôn mới theo cơ chế đặc thù (Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ); huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện.

- Thực hiện quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình theo quy định.

**2. *Kết quả bố trí, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình***

Tổng nguồn lực huy động để thực hiện Chương trình trong 5 năm *(2016-2020)* khoảng **2.119.884,8** tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương: 63.155,6 tỷ đồng *(3%)*, trong đó: vốn đầu tư phát triển là 47.691 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 15.536,6 tỷ đồng *(Bố trí đủ 100% kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Nghị quyết số 100/2015/QH13)*;

- Vốn ngân sách đối ứng trực tiếp của địa phương: 241.034 tỷ đồng *(11,4%)*;

- Vốn lồng ghép từ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án khác triển khai trên địa bàn nông thôn: 240.790 tỷ đồng *(11,4%)*;

- Vốn tín dụng: 1.330.065 tỷ đồng (62,7%), chủ yếu là dư nợ cho vay trên địa bàn các xã trên toàn quốc[[1]](#footnote-1);

- Vốn doanh nghiệp: 105.540 tỷ đồng *(5%)*;

- Vốn huy động người dân và cộng đồng đóng góp: 139.298 tỷ đồng *(6,5%)*.

So sánh 02 giai đoạn, tổng nguồn lực huy động thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 tăng 2,5 lần so với giai đoạn 2010 -2015, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương cao gấp 3,85 lần so với giai đoạn 2010-2015. Vốn đầu tư phát triển được các địa phương tập trung vào một số công trình hạ tầng thiết yếu như giao thông nông thôn (51,2%), trường học (13,8%), cơ sở vật chất văn hóa (13,8%), thủy lợi (7,7%), công trình nước sạch tập trung (5,6%)...; vốn sự nghiệp ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (26,8%), đào tạo nghề (11,5%), nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá (10,7%), duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư (8,4%), phát triển giáo dục (7,5%), vệ sinh môi trường (6,9%)...;

- Nguồn vốn đối ứng của địa phương cao gấp 2,9 lần so với giai đoạn 2011-2015, bằng 3,82 lần so với nguồn vốn ngân sách trung ương, cao hơn gấp 2,2 lần so với quy định của Nghị quyết Quốc hội, trong đó, nhiều địa phương khó khăn, không thuộc đối tượng phải đảm bảo đối ứng ngân sách nhưng đã chủ động cân đối để bố trí nguồn lực đầu tư cho chương trình. Hơn nữa, trong giai đoạn 2, nguồn ngân sách của địa phương hỗ trợ trực tiếp cho chương trình cao hơn nhiều so với nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án; điều này thể hiện các các địa phương đều thấy tính hiệu quả rõ rệt của Chương trình nên giảm dần việc hỗ trợ thông qua các chương trình dự án khác mà tập trung nguồn lực hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng NTM *(giai đoạn 1 thì nguồn vốn vẫn chủ yếu là lồng ghép)*;

- Nguồn vốn tín dụng cao gấp hơn 03 lần so với giai đoạn 1, trong đó, vốn tín dụng thông qua ngân hàng thương mại chủ yếu được người dân và doanh nghiệp vay đầu tư phát triển sản xuất quy mô lớn, nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng thủy, hải sản... góp phần thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp ở địa phương; vốn tín dụng chính sách thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội tập trung đầu tư cho phát triển sản xuất, tạo sinh kế, việc làm và đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong đời sống *(nhà ở, nước sạch vệ sinh môi trường, giáo dục….)* của người nghèo, đối tượng chính sách khác, góp phần thực hiện 09/19 tiêu chí xây dựng NTM;

- Nguồn vốn huy động từ người dân và cộng đồng chiếm khoảng 6,6%, giảm về tỷ lệ trong cơ cấu tổng nguồn vốn, nhưng tăng 1,3 lần về giá trị tuyệt đối so với giai đoạn 1, chủ yếu là do người dân tự nguyện đóng góp *(sức lực, nguyên vật liệu xây dựng, hiến đất...)* để xây dựng NTM trên địa bàn.

Tính chung trong 10 năm (2011-2020), cả nước đã huy động được khoảng **2.971.265** tỷ đồng *(tương đương khoảng 133,2 tỷ USD, bình quân khoảng 13,32 tỷ USD/năm).* Trong đó, ngân sách nhà nước các cấp hỗ trợ trực tiếp cho chương trình là 402.854 tỷ đồng *(bình quân khoảng 45,25 tỷ đồng/xã trong 10 năm)*, chiếm 13,6%; chủ yếu là ngân sách địa phương các cấp (323.298 tỷ, chiếm 80,3% tổng ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp), ngân sách trung ương là 79.555,6 tỷ *(chiếm 19,7% ngân sách nhà nước các cấp).*

Ngân sách nhà nước các cấp hỗ trợ trực tiếp xây dựng NTM có sự khác biệt rất lớn giữa các vùng *(mặc dù Thủ tướng Chính phủ đã ban hành hệ số phân bổ ưu tiên của NSTW cho các vùng khó khăn)*. Tính theo bình quân ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp, thì Đông Nam Bộ cao nhất với 145 tỷ đồng/xã, vùng ĐBSH-BTB với 80,5 tỷ đồng/xã, Đồng bằng sông Cửu Long khoảng 28 tỷ đồng/xã, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là 22 tỷ đồng/xã và thấp nhất là Miền núi phía Bắc với 18 tỷ đồng/xã.

**3. Đánh giá chung:**

***3.1. Mặt được***

- Việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 cho các địa phương theo cơ chế *“Trung ương hỗ trợ cho địa phương tổng mức vốn và giao Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ để thực hiện”* đã tạo điều kiện cho các địa phương chủ động, linh hoạt trong xây dựng kế hoạch, lựa chọn những nội dung ưu tiên, cấp bách để tập trung nguồn lực thực hiện đảm bảo phù hợp hơn với điều kiện thực tế. Đặc biệt, các địa phương đã chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách trung ương được giao để ưu tiên xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới của giai đoạn 2011-2015 theo đúng tiến độ được Quốc hội giao.

- Tiêu chí phân bổ cho các đối tượng xã được quy định cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, trong đó, những xã đặc biệt khó khăn, xã dưới 5 tiêu chí được ưu tiên bố trí đầu tư với hệ số phân bổ cao gấp 4-5 lần so với các xã không thuộc đối tượng ưu tiên đã tạo động lực cho nhóm xã đặc biệt khó khăn nỗ lực hoàn thành các tiêu chí cơ bản. Do đó, đến hết năm 2018, cả nước đã không còn xã dưới 5 tiêu chí. Hoàn thành xong mục tiêu trước 03 năm so với kế hoạch đã được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao.

- Việc quy định tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương không chỉ làm cho các địa phương có trách nhiệm hơn mà còn giúp các địa phương xác định kế hoạch, lộ trình cân đối, bố trí vốn ngân sách địa phương để ưu tiên, tập trung đầu tư thực hiện các tiêu chí trên địa bàn. Trong giai đoạn 2011-2015,vốn NSĐP bố trí cho Chương trình phần lớn từ các tỉnh, thành phố tự cân đối ngân sách, có nguồn thu lớn thì sang giai đoạn 2016-2020, ngoài những địa phương phải bố trí vốn đối ứng theo quy định thì nhiều địa phương khó khăn *(có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ NSTW hàng năm trên 70%)*, không thuộc đối tượng phải đối ứng ngân sách cũng đã chủ động cân đối để tập trung bố trí nguồn lực đầu tư cho chương trình *(Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Sơn La, Lai Châu, Sóc Trăng…).* Hơn nữa, trong giai đoạn 2, vốn ngân sách địa phương hỗ trợ trực tiếp cho chương trình cao hơn nhiều so với nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án. Điều này thể hiện các địa phương đều thấy tính hiệu quả rõ rệt của Chương trình nên giảm dần việc đầu tư thông qua các chương trình dự án khác mà chuyển sang tập trung nguồn lực hỗ trợ trực tiếp cho xây dựng NTM *(giai đoạn 1 thì nguồn vốn vẫn chủ yếu là lồng ghép).*

- Do được chủ động bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao đã góp phần giúp các địa phương đẩy nhanh tiên độ thực hiện, góp phần hoàn thành sớm mục tiêu xây dựng NTM của cả nước sớm hơn gần 2 năm so với kế hoạch được giao, đồng thời, có điều kiện để hỗ trợ thực hiện các nội dung đi vào chiều sâu và bền vững.

***3.2. Một số hạn chế, bất cập:***

- Cơ chế phân bổ theo quy định của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ đã trao quyền chủ động cho các địa phương nhưng một số tỉnh vẫn áp dụng “cứng nhắc” hệ số phân bổ vốn cho các xã theo từng năm và 5 năm. Dẫn đến nguồn lực đầu tư thực hiện các chương trình chưa đạt được hiệu quả, nguồn vốn phân bổ manh mún, dàn trải, không tạo được động lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, nhất là ở những địa phương khó khăn, nhu cầu nguồn lực đầu tư rất lớn;

- Các nội dung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm hơn so với giai đoạn 2011-2015. Các địa phương tập trung đầu tư nguồn lực để nâng cấp, xây dựng một số công trình hạ tầng thiết yếu, nhất là giao thông nông thôn, hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nhưng còn một số nội dung liên quan đến cải thiện đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội còn chưa được quan tâm bố trí nguồn lực đúng mức *(trường học; công trình cấp nước sạch, bảo vệ môi trường, tổ chức sản xuất, văn hóa cơ sở...)*;

**-** 100% vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020 được phân bổ và thông báo hết cho các địa phương. Do đó, không có nguồn dự phòng bổ sung để bố trí một số nhiệm vụ đột xuất, phát sinh được Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình triển khai Chương trình *(bổ sung vốn hỗ trợ các Đề án xây dựng NTM vùng đặc thù, Đề án thí điểm huyện NTM kiểu mẫu, thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương có thành tích tiêu biểu giai đoạn 2010-2020…).*

**Phần II**

**ĐỀ XUẤT CÁC NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**I. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG**

**1. Mục đích**

Việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương nhằm bảo đảm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật, trọng tâm, trọng điểm và bền vững; Ưu tiên nguồn lực cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn NTM, nhất là các xã an toàn khu, xã đạt dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn NTM tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí NTM đã đạt chuẩn nhưng chỉ tiêu vẫn còn thấp để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững; ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương thuộc các vùng khó khăn *(miền núi, Tây Nguyên, các địa phương có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ NSTW trên 60%...)*; bố trí thực hiện các chương trình chuyên đề nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất trong xây dựng NTM; làm cơ sở cho các địa phương xây dựng kế hoạch, thực hiện phân bổ và kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn trung hạn, hằng năm trong giai đoạn 2021-2025.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

Việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan; phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, quyết định đầu tư Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025; kế thừa hợp lý quy định giai đoạn 2016-2020; bổ sung, sửa đổi các tiêu chí, hệ số phân bổ bảo đảm phù hợp với thực tiễn, không trùng lặp đối tượng, phạm vi đầu tư với 02 Chương trình MTQG còn lại; bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

**II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN**

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*.

**2. Đối tượng áp dụng:**

- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan trung ương khác; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình *(sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương)*.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

**3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương**

a) Các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương *(bao gồm vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp)* được phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch và phải tuân thủ theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

c) Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu, xã đạt dưới 15 tiêu chí.

d) Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

đ) Bố trí vốn thực hiện các chương trình chuyên đề hỗ trợ thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tất cả các xã, đơn vị cấp huyện của cả nước.

e) Bố trí kinh phí hàng năm cho các bộ, cơ quan trung ương để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình theo nhiệm vụ được phân công.

g) Bố trí dự phòng khoảng 10% tổng nguồn vốn ngân sách trung ương của chương trình để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh trong quá trình triển khai Chương trình. Việc phân bổ cụ thể vốn dự phòng do Thủ tướng Chính phủ quyết định; bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành.

h) Cơ chế hỗ trợ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện Chương trình theo nguyên tắc:

- Năm 2021 tiếp tục thực hiện cơ chế hỗ trợ như giai đoạn 2016 – 2020;

- Giai đoạn 2022 - 2025, căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới), thực hiện theo nguyên tắc:

+ Ngân sách trung ương không hỗ trợ các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương[[2]](#footnote-2) (trừ tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi);

+ Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó: ưu tiên hỗ trợ các địa phương miền núi, Tây Nguyên, các địa phương còn lại nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương từ 60% trở lên.

**4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư phát triển) năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022**

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã

Căn cứ số xã của các địa phương, tính đến hết năm 2021, để phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các tỉnh thực hiện Chương trình, theo hệ số sau:

- Xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo *(sau đây gọi chung là xã ĐBKK)*; xã đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0;

- Xã còn lại:

+ Xã đạt từ 15-18 tiêu chí: Hệ số 3,0;

+ Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 4,0.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng huyện:

Căn cứ mục tiêu phấn đấu của các địa phương, hỗ trợ cho mỗi tỉnh tối đa không quá 02 huyện chưa đạt chuẩn để tập trung hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới và phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2021- 2025: Hệ số phân bổ cao gấp 4 lần so với các xã dưới 15 tiêu chí theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

Đối với các đơn vị cấp huyện còn lại phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm 2022 và giai đoạn 2021-2025, các tỉnh chủ động bố trí vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các xã, vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện theo quy định.

c) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh thuộc đối tượng ưu tiên:

Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 để ưu tiên phân bổ cho các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Ngãi dựa trên số huyện và số xã được phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2021:

- Các tỉnh có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương dưới 50% và tỉnh Quảng Ngãi: Hệ số 1,0;

- Các tỉnh có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 50% trở lên: Hệ số 1,2.

**5. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025**

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã

Căn cứ số xã của các địa phương, tính đến hết năm 2021 (không bao gồm các xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025), để phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các tỉnh thực hiện Chương trình, theo hệ số sau:

- Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0;

- Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0;

- Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 5,0;

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng huyện

- Căn cứ mục tiêu phấn đấu của các địa phương, hỗ trợ cho mỗi tỉnh tối đa không quá 02 huyện chưa đạt chuẩn để tập trung hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới và phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2021- 2025: Hệ số phân bổ cao gấp 4 lần so với các xã dưới 15 tiêu chí theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

- Đối với các đơn vị cấp huyện còn lại phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025, các tỉnh chủ động bố trí vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các xã, vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện theo quy định.

c) Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh thuộc đối tượng ưu tiên

Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 để ưu tiên phân bổ cho các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi dựa trên số huyện và số xã được phân bổ vốn ngân sách trung ương trong giai đoạn 2022 - 2025:

- Các tỉnh có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 60% trở lên: Hệ số 0,3.

- Các tỉnh miền núi (bao gồm các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Bình Phước), Tây Nguyên (bao gồm các tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng): Hệ số 0,5.

c) Tiêu chí phân bổ cho các chương trình chuyên đề được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Các chương trình chuyên đề được phân bổ theo mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ chi tiết của mỗi chương trình chuyên đề được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**6. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương**

a) Định mức phân bổ vốn cho các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Căn cứ vào tổng mức vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được cấp có thẩm quyền giao; trên cơ sở phối hợp với các cơ quan chủ trì nội dung thành phần Chương trình và các cơ quan liên quan, căn cứ báo cáo của các địa phương, dựa trên các tiêu chí, hệ số phân bổ giai đoạn 2022 - 2025 được quy định tại các Điều 4,5,6 Mục I và Điều 7,8,9, 10 Mục II tại Quy định này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành chủ trì nội dung thành phần, các chương trình chuyên đề, dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ, xác định định mức và xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện Chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Định mức phân bổ vốn cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Căn cứ tổng mức vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền thông báo và điều kiện thực tế của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn, phương án lồng ghép các nguồn vốn theo quy định để thực hiện các nội dung, các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với 02 Chương trình mục tiêu quốc gia, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của chương trình, cụ thể:

- Định mức phân bổ theo đối tượng huyện, xã:

+ Đối với kế hoạch vốn đầu tư phát triển:

(1) Căn cứ vào mục tiêu phấn đấu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 và điều kiện thực tế, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phân bổ cho các huyện, xã đảm bảo tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các xã trong cả giai đoạn 2021 - 2025 theo đúng tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Điều 4, 5, 6 Mục I và Điều 7, 8, 9 Mục II của Quy định này.

(2) Bố trí vốn thực hiện 06 chương trình chuyên đề được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025.

+ Đối với kế hoạch vốn sự nghiệp hỗ trợ từ ngân sách trung ương: Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng phương án phân bổ kinh phí hỗ trợ cụ thể cho các cấp (tỉnh, huyện, xã), các ngành để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao và hoàn thành các mục tiêu, theo thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Bố trí vốn để triển khai, thực hiện ở cấp tỉnh và cấp huyện đối với các nội dung: Nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, trong đó, chú trọng: hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn gắn với liên kết theo chuỗi giá trị; xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm; Phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị; đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường; thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới....

(2) Bố trí vốn thực hiện 06 chương trình chuyên đề được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025.

(3) Bố trí kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp ở địa phương.

(4) Phần vốn sự nghiệp còn lại, phân bổ trực tiếp cho các xã để thực hiện các nội dung của Chương trình ở cấp xã, trong đó bao gồm kinh phí duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình đầu tư sau khi đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng trên địa bàn xã.

b) Định mức phân bổ thực hiện các chương trình chuyên đề:

Căn cứ nội dung, nhiệm vụ cụ thể của các chương trình chuyên đề được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ 06 chương trình chuyên đề gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

**7. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương**

a) Quy định chung

- Tổng vốn đối ứng từ nguồn vốn ngân sách địa phương của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025 phải bảo đảm mức quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình.

- Các địa phương phải bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định cụ thể tại khoản 2 Điều này để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt:

+ Các địa phương đảm bảo đúng hoặc bố trí vượt mức vốn từ ngân sách địa phương so với quy định về tỷ lệ đối ứng của trung ương sẽ được xem xét, cộng điểm thưởng trong thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025.

+ Đối với các địa phương không bố trí đủ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình theo tỷ lệ quy định trong hai năm liên tiếp sẽ không được xét thi đua khen thưởng trong thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025.

Hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp kết quả bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

- Ngân sách địa phương ưu tiên bổ sung cho các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021 – 2025 để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình, các chương trình chuyên đề, dự án được Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Quy định cụ thể:

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách (trừ tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam): 100% nguồn vốn thực hiện Chương trình bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác trên địa bàn.

- Đối với các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam:

+ Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 80% trở lên: Tùy thuộc vào điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, ưu tiên bố trí thêm vốn từ ngân sách địa phương để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Chương trình.

+ Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 60% đến dưới 80%: Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (tỷ lệ đối ứng tối thiểu: 1:1).

+ Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương dưới 60% và tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam: Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu gấp 1,5 lần tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (tỷ lệ đối ứng tối thiểu: 1:1,5).

- Danh sách các địa phương tự cân đối được ngân sách và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các địa phương được căn cứ trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của từng địa phương.

**8. Tổ chức thực hiện**

Căn cứ theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình tại Quy định này, các bộ, ngành trung ương có liên quan, các địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã) lập kế hoạch đầu tư trung hạn (2021 - 2025) và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BỘ NÔNG NGHIỆP****VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** |

1. Theo số liệu tổng hợp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. [↑](#footnote-ref-1)
2. Bao gồm: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Cần Thơ. [↑](#footnote-ref-2)